

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2020/HSPT
Ngày: 13/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Trần Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 196/2020/TLPT-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo **Phạm Xuân T** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Do có kháng cáo của bị cáo **Phạm Xuân T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 08-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1095/2019/QĐXXPT-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Xuân T, sinh năm 1983 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn 2, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Phạm Hùng S, con bà Hoàng Thị Kim D; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hải H và có 03 con; con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Từ ngày 25/9/2006 đến ngày 25/3/2007 bị giáo dục tại xã theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 21/9/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/10/2019 đến ngày 20/10/2019 thì được tại ngoại (Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin hoãn phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Xuân T là người không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng nhưng T sử dụng tiền của gia đình mình để cho người khác vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Những người đến vay tiền của T đều thỏa thuận bằng miệng với mức lãi suất là: 5.000 đồng/1triệu/1ngày (Gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Khi người vay đồng ý thì T đưa cho họ 01 giấy vay tiền đã soạn sẵn đồng thời hướng dẫn người vay tự điền các nội dung trong giấy vay và kí tên xác nhận phía dưới. Để trốn tránh việc bị cơ quan pháp luật phát hiện và xử lý về hành vi cho vay lãi nặng, trong các giấy vay tiền đều thể hiện mức lãi suất là 0% và giấy vay tiền chỉ lập thành 01 bản do T giữ. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 5/2019, Phạm Xuân T đã cho 03 người vay tiền với mức lãi suất cao, cụ thể như sau:

- Vào ngày 24/11/2018, T cho chị Nguyễn Thị Bích N vay 600.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1ngày và cứ 10 ngày chị N phải trả tiền lãi một lần. Từ tháng 12/2018 đến tháng 5/2019, chị N đã trả cho T 540.000.000 đồng tiền lãi, tương đương 90.000.000đ/1 tháng, bằng 15%/1 tháng và 180%/1 năm (*Gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định là 20%/năm tương đương 547,9 đồng/1.000.000đ/ ngày*). Đến giữa tháng 5/2019, chị N tiếp tục vay của T 280.000.000 đồng cũng với lãi suất như trên và 03 ngày sau chị N đã trả cho T 180.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó, chị N không có tiền để trả nên đến ngày 11/7/2019, chị N phải viết lại cho T 02 giấy vay tiền (trong đó 01 giấy vay 600.000.000 đồng và 01 giấy vay 100.000.000 đồng). Đến ngày 25/8/2019, T cùng chị N chốt lại là chị N nợ T 700.000.000 đồng tiền gốc, 180.000.000 đồng tiền lãi rồi chị N viết lại 01 giấy vay chung 700.000.000 đồng (không ghi tiền lãi) đưa cho T giữ và T trả lại cho chị N 02 giấy vay tiền trước đó. Đồng thời, chị N vay thêm của T 50.000.000 đồng và thỏa thuận tính lãi suất kể từ ngày 25/8/2019 là 2.500 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 7,5%/1 tháng và 90%/1 năm (*Gấp 4,5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định là 20%/1 năm tương đương 547,9 đồng/1.000.000/01 ngày*). Đến ngày 09/10/2019, chị N cùng T chốt lại là chị N nợ T 1.000.000.000 đồng (trong đó, tiền gốc 750.000.000 đồng và tiền lãi 250.000.000 đồng) và T bớt cho chị N 80.000.000 đồng tiền lãi nên chị N còn nợ tiền gốc và lãi là 920.000.000 đồng. Đến chiều ngày 09/10/2019, chị N tiếp tục trả cho T 40.000.000 đồng tiền lãi và hiện nay còn nợ T 880.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 750.000.000 đồng và tiền lãi 130.000.000 đồng).

- Ngày 01/01/2019, T cho anh Hoàng Phi S vay 50.000.000 đồng, ngày 01/02/2019 cho vay tiếp 30.000.000 đồng và ngày 28/02/2019 cho vay thêm 30.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 15%/1 tháng

và 180%/1 năm (*Gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định là 20%/1 năm tương đương 547,9 đồng/1.000.000/01 ngày*). Đến ngày 01/5/2019, anh S đã trả đầy đủ cho T 110.000.000 đồng tiền gốc và 52.500.000 đồng tiền lãi.

- Ngày 15/4/2019, T cho chị Phan Thị N vay 50.000.000 đồng và ngày 03/5/2019 cho vay tiếp 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, bằng 15%/1 tháng và 180%/1 năm (*Gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định là 20%/1 năm tương đương 547,9 đồng/1.000.000/01 ngày*). Ngày 22/5/2019, chị N trả cho T 50.000.000 đồng tiền gốc, 5.000.000 đồng tiền lãi và ngày 24/5/2019 tiếp tục trả 50.000.000 đồng tiền gốc, 10.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 23/8/2019, chị N tiếp tục vay của T 100.000.000 đồng cũng với lãi suất như trên và đến ngày 03/10/2019 đã trả 18.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ 2.000.000 đồng tiền lãi và 100.000.000 đồng tiền gốc. Từ tháng 11/2019 đến tháng 01/2020, chị N trả cho T 60.000.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng chị N vay của T 200.000.000 đồng và đến nay đã trả 160.000.000 đồng tiền gốc, 33.000.000 đồng tiền lãi và còn nợ 40.000.000 đồng tiền gốc, 2.000.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, bị cáo Phạm Xuân T thu lãi của 03 người nêu trên với mức cho vay 180%/1 năm (*Gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định là 20%/1 năm tương đương 547,9 đồng/1.000.000đ/01 ngày*) là 665.500.000 đồng (Trong đó, của chị N là 580.000.000 đồng, anh S là 52.500.000 đồng và chị N là 33.000.000 đồng). Sau khi khấu trừ mức lãi suất 20%/ 1 năm, bằng 70.259.888 đồng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì Phạm Xuân T đã thu lợi bất chính của ba người tổng cộng là 595.240.000 đồng, (Trong đó Nguyễn Thị Bích N là 520.167.000 đồng; Hoàng Phi S là 45.961.000 đồng; Phan Thị N là 29.112.000 đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 08/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1]. **Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân T 02 năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/10/2019 đến ngày 20/10/2019.

[2]. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*) của bị cáo sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp lại số tiền 700.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- Buộc chị Phan Thị N phải nộp lại số tiền 40.000.000 đồng sung ngân sách

nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại số tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính cho những người vay cụ thể gồm:

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Bích N số tiền là 520.167.000đồng (*Năm trăm hai mươi triệu, một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*).

+ Trả cho chị Phan Thị N số tiền là 29.112.000đồng (*Hai mươi chín triệu, một trăm mười hai ngàn đồng*).

+ Trả cho anh Hoàng Phi S số tiền là 45.961.000đồng (*Bốn Mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn đồng*)

- Buộc bị cáo phải nộp lại 70.259.888 đ (*Bảy mươi triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn tám trăm tám mươi tám đồng*) khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật (20%/năm) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo số tiền 213.000.000 đ (*Hai trăm mười ba triệu đồng*) của bị cáo bị thu giữ trong quá trình điều tra. Hiện đang gửi tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2018/0000347 ngày 11/3/2020. Tuy nhiên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kèm theo sim điện thoại 01 điện thoại di động hiệu Iphone, kèm theo sim điện thoại.

Trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân cho anh Trần Phan Cao N (Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Nhất T (Địa chỉ: xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk)

Trả lại cho bị cáo 01 thẻ VIB số 9704416850011960683 mang tên Phạm Xuân T.

(Tang vật có đặc điểm được mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/3/2020 giữa cơ quan CSĐT công an tỉnh và Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2020, bị cáo Phạm Xuân T có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HSST ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đủ cơ sở xác định như sau: Vì động cơ tư lợi cá nhân, nên khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 10/2019, Phạm Xuân T đã nhiều lần cho chị Nguyễn Thị Bích N vay với tổng số tiền là 930.000.000 đồng, chị N đã trả cho T 180.000.000 đồng nợ gốc và 580.000.000 đồng tiền lãi; Trong đó, từ tháng 11/2018 đến 25/8/2019, T cho chị N vay với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/ngày, bằng 180%/năm; Từ ngày 25/8/2019 đến tháng 10/2019, T cho chị N vay với lãi suất 2.500 đồng/1 triệu/ngày, bằng 90%/năm và chị N đã trả cho T 40.000.000 đồng tiền lãi. Hiện chị N còn nợ T 750.000.000 đồng tiền gốc.

Ngoài ra T còn cho vay 02 người khác; cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 28/02/2019, T đã 03 lần cho anh Hoàng Phi S vay tổng số tiền là 110.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/ngày, bằng 180%/năm. Đến ngày 01/5/2019, anh S đã trả đủ cho T 110.000 đồng tiền gốc và 52.500.000 đồng tiền lãi.

- Từ ngày 15/4/2019 đến ngày 28/02/2019, T đã 03 lần cho chị Phan Thị N vay tổng số tiền 200.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/ngày, bằng 180%/năm, chị N đã trả cho T 160.000.000 đồng tiền gốc và 33.000.000 đồng tiền lãi, chị N còn nợ T 40.000.000 đồng tiền gốc.

Tổng cộng T đã thu tiền lãi của 03 người là 665.500.000 đồng; Sau khi khấu trừ lãi suất theo quy định với số tiền 133.100.000 đồng, T đã thu lợi bất chính với số tiền là 532.400.000 đồng.

[2] Với hành vi và số tiền thu lợi bất chính nêu trên của bị cáo Phạm Xuân T, án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo, nhận thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm; bị cáo thu lợi bất chính 532.400.000 đồng, gấp 5 lần số tiền mức khởi điểm của khung hình phạt. Mặt khác về nhân thân bị cáo, từ ngày 25/9/2006 đến ngày 25/3/2007 bị Chủ tịch UBND xã C, thành phố B ra Quyết định giáo dục tại xã, phường và ngày 21/9/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Như vậy, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội; xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là không nặng, đúng quy định pháp luật; Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt gì mới. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; giữ nguyên mức hình phạt tù của bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo Phạm Xuân T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt Phạm Xuân T 02 (Hai) năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/10/2019 đến ngày 20/10/2019.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Bị cáo Phạm Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác về biện pháp tư pháp, án phí sơ thẩm được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào